

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98a/2021/HSST
Ngày 27 tháng 12 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhiên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thanh – Cán bộ hưu trí xã Yên Phú.

Ông Vũ Minh Đón – Nguyên bí thư Đoàn xã Hoàn Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Bá Thuận** – Thư ký Tòa án huyện Y, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Ngọc Thơ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở TAND huyện Y, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 86/2021/TLST - HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 11 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa vụ án hình sự số 22/2021/TB - TA ngày 17 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/HSST - QĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Đỗ Xuân D, sinh ngày 24/7/2003. Sinh trú quán: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Học sinh. Trình độ học vấn: 12/12. Chức vụ: Không. Họ và tên cha: **Đỗ Xuân D1**, sinh năm 1976. Họ và tên mẹ: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* Người giám hộ cho bị cáo D và là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Đỗ Xuân D1**, sinh năm 1976; (Có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H

* Người bào chữa cho bị cáo D: Bà **Lê Thị Thanh H** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. (Có mặt)

** Người bị hại:*

- Ông **Lương Tiến D2**, sinh năm: 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh H

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị **Lương Thị D3**, sinh ngày 07/6/2002; (Có mặt)

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện V, tỉnh H

** Người làm chứng:*

- Anh Đặng Thanh Ch, sinh năm 2002 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh H

- Anh Cao Ngọc Ch1, sinh năm 1996; (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện V, tỉnh H

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã YH, huyện Y, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 01 năm 2021, Đỗ Xuân D nhiều lần điện thoại và nhắn tin cho ông Lương Tiến D2 về việc con gái ông là Lương Thị D3 có nợ D số tiền 25.000.000 đồng và yêu cầu ông D2 phải trả nợ thay cho chị D3, nếu không D sẽ đăng tải hình ảnh nhạy cảm của chị D3 lên mạng xã hội. Vì sợ ảnh hưởng đến danh dự của con gái và gia đình, ông D2 đã phải đưa cho D 04 lần tổng cộng 20.000.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/01/2021, khi ông D2 đang đưa nốt số tiền 5.000.000 đồng cho Đỗ Xuân D, thì Công an xã Đ phát hiện lập biên bản. Thu giữ vật chứng gồm: 5.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone màu đỏ và 01 xe mô tô Wave màu xanh biển số 89F1 – 29236.

Kết quả điều tra xác định: Do có mối quan hệ quen biết từ trước, nên ngày 09 tháng 10 năm 2020, chị Lương Thị D3 có hỏi vay của Đỗ Xuân D một khoản tiền, thì được D đồng ý nhưng yêu cầu chị D3 phải cho D quay clip ghi lại hình ảnh khóa thân của chị D3 để làm tin nếu sau này chị D3 không trả nợ thì sẽ đăng lên mạng xã hội, chị D3 đồng ý. Khoảng đầu

giờ chiều ngày 09/10/2020, D và chị D3 đến thuê phòng 203 nhà nghỉ ĐS 2 ở thôn T, xã Y, huyện Y. Tại đây, D đã bảo chị D3 nằm xuống giường và cởi bỏ quần dài và quần lót ra, sau đó D dùng điện thoại Iphone của D quay clip hình ảnh D đưa ngón giữa bàn tay phải của D vào trong âm đạo của chị D3 (thời gian khoảng 21 giây), sau đó chị D3 tự mặc quần rồi cùng D ra về. Sau đó D đưa cho chị D3 khoản tiền mà chị D3 hỏi vay với thời hạn 10 ngày. Khoảng 01 tháng, sau nhiều lần đòi tiền nhưng chị D3 không có trả, chị D3 đã cung cấp số điện thoại của bố mình là ông Lương Tiến D2 cho D, để D đòi ông D2 trả nợ thay cho chị D3. Sau đó, nhiều lần D gọi điện thoại yêu cầu ông D2 phải trả cho D khoản tiền mà chị D3 nợ D là 25.000.000 đồng và đe dọa nếu ông D2 không trả nợ thay cho chị D3, thì D sẽ đăng tải hình ảnh nhạy cảm của chị D3 lên mạng xã hội. Đồng thời D tìm gặp và cho ông D2 xem đoạn clip mà D đã quay lại hình ảnh khỏa thân của chị D3 ở Nhà nghỉ ĐS 2 nêu trên. Do bị D thúc ép đòi nhiều lần và sợ D sẽ đăng hình ảnh nhạy cảm của con gái lên mạng xã hội sẽ làm ảnh hưởng đến danh dự của chị D3 và gia đình, nên ông D2 đã nhiều lần hẹn gặp và đưa cho Đỗ Xuân D tại khu vực cổng Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y tổng cộng 20.000.000 đồng. Cụ thể: ngày 30/11/2020 đưa 10.000.000 đồng, khoảng đầu tháng 12/2020 đưa 02 lần là 1.000.000 đồng và 5.000.000 đồng, ngày 01/01/2021 đưa 4.000.000 đồng. Lần thứ năm vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/01/2021, khi ông D2 đang đưa cho D số tiền 5.000.000 đồng ở khu vực cổng Trường trung học cơ sở xã Đ, huyện Y, thì Công an xã Đ phát hiện lập biên bản, thu giữ vật chứng liên quan như nêu trên.

Đối với việc chị D3 trình bày chị chỉ vay của Đỗ Xuân D 750.000 đồng. Do không trả được số tiền gốc D đã tính lãi thành 1.500.000 đồng, sau nhiều lần chị D3 không trả thì chị D3 và D đã thỏa thuận chuyển thành khoản nợ mới, được tính tổng cộng cả gốc và lãi thành 25.000.000 đồng. Đỗ Xuân D thì trình bày ngày 09/10/2020 D đã cho chị D3 vay 25.000.000 đồng và thỏa thuận lãi 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, việc vay mượn tiền giữa hai bên không có giấy tờ gì. Đến nay do chị D3 không có khả năng trả nợ nên D chỉ yêu cầu ông D2 trả nợ số tiền gốc là 25.000.000 đồng, không lấy tiền lãi. Quá trình điều tra chưa làm rõ được số tiền thực tế mà chị D3 đã vay của D, cũng như việc D có hành vi cho vay lãi nặng hay không. Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ có căn cứ xử lý sau.

Quá trình điều tra, Đỗ Xuân D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 84/CT – VKS - YM ngày 29/10/2021 của VKSND huyện Y truy tố Đỗ Xuân D về tội “ **Cưỡng đoạt tài sản**” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo Đỗ Xuân D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, bị cáo thừa nhận đã nhiều lần dùng hình ảnh nhạy cảm của chị D3 để đe dọa ông D2 bố chị D3 phải trả tiền cho bị cáo, bị cáo biết hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho được hưởng án treo.

Bị hại ông Lương Tiến D2 trình bày: Ông đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại của bị cáo và gia đình nên ông không yêu cầu gì nữa, ông đề nghị HĐXX xử khoan hồng với bị cáo cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị D3: Chị D3 không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì, chị đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Đại diện VKSND huyện Y giữ nguyên quan điểm đã truy tố: Đề nghị HĐXX: Căn cứ Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân D **từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm - 04 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo D cho UBND xã Y, huyện Y, tỉnh H, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

* Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

* Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra VKS còn đề nghị về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí.

Người bào chữa cho bị cáo D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và nhất trí lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý và không bổ sung gì. Bị cáo D nói lời sau cùng rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, mong HĐXX cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và đại diện VKSND huyện Y đều đề nghị tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người làm chứng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra, những người làm chứng vắng mặt đã có đầy đủ lời khai, thể hiện rõ quan điểm và việc vắng mặt họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như quyền lợi của họ. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng... phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nên HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 01 năm 2021, tại khu vực xã Đ, huyện Y. Đỗ Xuân D đã có hành vi dùng clip hình ảnh nhạy cảm của chị Lương Thị D3 (là con gái ông Lương Tiến D2) để yêu cầu ông D2 phải trả thay chị D3 số tiền 25.000.000 đồng cho D. D đe dọa nếu ông D2 không trả, D sẽ đăng hình ảnh nhạy cảm của chị D3 lên mạng xã hội. Vì lo sợ ảnh hưởng đến danh dự con gái và gia đình, nên ông D2 đã phải đưa tiền cho D và D đã chiếm đoạt tổng cộng 25.000.000 đồng, thì bị phát hiện.

Mặc dù bị cáo là người chưa thành niên, nhưng bản thân bị cáo nhận thức được việc dùng hình ảnh nhạy cảm của chị D3 để đe dọa ông D2 nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của ông D2 là vi phạm pháp luật nhưng do tư lợi bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Đỗ Xuân D về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo D khi phạm tội là người chưa thành niên nên sẽ áp dụng nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội và mức hình phạt cao nhất không quá $\frac{3}{4}$ mức phạt tù của người thành niên.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo D cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông D2, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy do bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khi phạm tội chưa đủ tuổi thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định một thời gian

thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo D chưa đi làm, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông D2 đã nhận đủ tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm nên hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu đỏ đã cũ của Đỗ Xuân D sử dụng liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại nộp Ngân sách nhà nước;

Đối với số tiền 5.000.000 đồng đã thu giữ là tiền của ông D2 trả cho bị cáo, quá trình điều tra ông Dừa bố bị cáo đã trả cho ông D2 số tiền trên nên cần trả lại cho ông Đỗ Xuân D1 số tiền đã thu giữ.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Tuyên bố: Bị cáo **Đỗ Xuân D** phạm tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

3. Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Xuân D 01 (một) năm 03 (Ba)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **02 (hai) năm 06 (sáu)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo D cho UBND xã Y giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

* Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

5. Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét.

6. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu phát mại nộp Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone màu đỏ đã cũ của Đỗ Xuân D.

Trả lại cho ông Đỗ Xuân D1, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh H số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*).

7. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ Xuân D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Y;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên